

QUYẾT ĐỊNH
Về việc công bố công khai dự toán chi NSNN năm 2024

Căn cứ Luật tổ chức Viện kiểm sát năm 2014;

Căn cứ Luật NSNN năm 2015 và các văn bản hướng dẫn thực hiện;

Căn cứ Nghị định 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ về việc quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ; Thông tư 90/2018/TT-BTC ngày 28/9/2018 của Bộ Tài chính sửa đổi bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC;

Căn cứ Quyết định số 141/QĐ-VKSTC ngày 13/11/2024 của Viện kiểm sát nhân dân tối cao, về việc giao dự toán điều chỉnh chi Ngân sách nhà nước năm 2024 cho các đơn vị sử dụng ngân sách trực thuộc Viện kiểm sát nhân dân tối cao;

Xét đề nghị của Chánh Văn phòng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai số liệu điều chỉnh dự toán chi Ngân sách nhà nước năm 2024 của các đơn vị sử dụng ngân sách trực thuộc Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk (theo các phụ lục đính kèm).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng, Thủ trưởng các đơn vị sử dụng ngân sách thuộc Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- VKSND tối cao (để báo cáo);
- Trang TTĐT (để đăng tin);
- Các LĐV; CVP;
- Lưu KT, VT.



VIỆN TRƯỞNG

Lê Quang Tiến

Viện kiểm sát nhân dân

(Kèm theo Quyết định số 1454/QĐ-VKS ngày 19/11/2024 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk)

2

STT	Tên đơn vị cấp III	Tổng dự toán toán ngành	Quản lý hành chính					Sự nghiệp giáo dục đào tạo								
			Loại 340-341	Trong đó			Loại 340-341 (Vốn nước ngoài)	Cộng giáo dục đào tạo	Loại 070-081	Trong đó		Đào tạo, bồi dưỡng Cán bộ, công chức				
				Vốn ngoài nước	Loại 340-341 (Vốn trong nước)	Chia ra				KP giao tự chủ	KP không tự chủ	Loại 070-085	Hỗ trợ đào tạo sau đại học	Tổng cộng đào tạo trong nước	Đào tạo nước ngoài	
	2	3=4+10	4=5+6	5	6=7+8	7	8	9	10=11+14	11=12+13	12	13	14	15	16	17
1	Văn phòng tỉnh	279.700.000	99.700.000		99.700.000		99.700.000		180.000.000				180.000.000			
2	TP Buôn Ma Thuột	80.000.000	80.000.000		80.000.000		80.000.000									
3	Huyện Cư M'gar	30.000.000	30.000.000		30.000.000		30.000.000									
4	Huyện Krông Bông	15.000.000	15.000.000		15.000.000		15.000.000									
5	Huyện Easúp	15.000.000	15.000.000		15.000.000		15.000.000									
6	Huyện Lắk	15.000.000	15.000.000		15.000.000		15.000.000									
7	Huyện Krông Ana	10.000.000	10.000.000		10.000.000		10.000.000									
8	Huyện Krông buk	15.000.000	15.000.000		15.000.000		15.000.000									
9	Huyện Krông Năng	20.000.000	20.000.000		20.000.000		20.000.000									
10	Huyện Eah'leo	30.000.000	30.000.000		30.000.000		30.000.000									
11	Huyện Krông Păk	10.000.000	10.000.000		10.000.000		10.000.000									
12	Huyện Buôn đôn	20.000.000	20.000.000		20.000.000		20.000.000									
13	Huyện Cư Kuin	20.000.000	20.000.000		20.000.000		20.000.000									
14	TX Buôn Hồ	20.000.000	20.000.000		20.000.000		20.000.000									
Tổng cộng		579.700.000	399.700.000		399.700.000	0	399.700.000	0	180.000.000	0	0	0	180.000.000	0	-	-